

Bản án số: 24/2018/HSST

Ngày: 09/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Vũ Đức Bình;

2. Ông: Trần Văn Nghi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/ 2018/QĐXXST-HS ngày 26/4/2018 đối với bị cáo :

Họ và tên: **Phạm Văn N**, sinh năm 1984 tại xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở : xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/01/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 25/01/2018(có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua : anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1981 ; trú tại xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình, hiện bỏ đi không rõ địa chỉ (vắng mặt).

*Người làm chứng : anh Nguyễn Văn T1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Hồi 10 giờ 50 phút ngày 27/10/2015, tổ công tác Công an huyện K và công an xã Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực xóm 12, xã Đ, tiến hành kiểm tra hành chính đối với Phạm Văn N, N đã tự giác lấy trong túi quần bên trái ra 02 gói nhỏ, trong đó 01 gói được gói bằng giấy bạc màu vàng và 01 gói bên ngoài là ống nhựa màu trắng trong suốt, bên trong hai gói là chất bột dạng cục màu trắng và khai nhận bản thân là

người sử dụng ma túy, các gói nhỏ vừa giao nộp đều là hê rô in bị cáo vừa mua được của một người đàn ông không quen biết ở khu vực cầu Q, xã H với giá 400.000đ nhằm sử dụng cho bản thân. Tổ công tác công an huyện K tiến hành lập biên bản thu giữ, niêm phong hai gói nhỏ và lập biên bản sự việc đối với bị cáo, thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 35N9 - 3086. Kiểm tra bên trong hai gói nhỏ thu giữ của bị cáo đều là chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định trọng lượng gói thứ nhất được 0,28 gam, trích 0,04 gam ký hiệu M1 để trưng cầu giám định, số còn lại ký hiệu M2; cân gói thứ hai được 0,1 gam, trích 0,04 gam ký hiệu M3 trưng cầu giám định, còn lại ký hiệu M4.

Bản kết luận giám định số 225/GĐMT ngày 28/10/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu M1, M3 gửi tới giám định đều có thành phần hê rô in. Hàm lượng hê rô in trong các mẫu như sau: M1: 67,4%, M3: 69,9%. Như vậy tổng trọng lượng hê rô in mà bị cáo tàng trữ là 0,2586 gam.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo bỏ trốn, cơ quan điều tra công an huyện K ra quyết định truy nã đối với bị cáo, đến ngày 22/01/2018 bị cáo bị công an tỉnh Gia Lai bắt theo quyết định truy nã.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 10/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; các điểm 0, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 18 đến 21 tháng tù.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn N hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai nhận bản thân sử dụng ma túy từ năm 2011 bằng hình thức trích hê rô in. Sáng ngày 27/10/2015 sẵn có 400.000đ trong người và lại muốn có ma túy để sử dụng nên bị cáo đã dùng xe mô tô đi từ nhà đến khu cầu Q tìm mua ma túy, tại đây bị cáo gặp một người thanh niên không quen biết khoảng 25 tuổi, đoán là người nghiện ma túy nên đã hỏi và mua được của người đó hai gói hêrôin với giá 400.000đ. Mua được hêrôin, bị cáo cất trong túi quần trái đang mặc và điều khiển xe về hướng thị trấn P tìm chỗ sử dụng, khi tới đoàn đường 10 thuộc xóm 12 xã Đ bị công an dừng xe kiểm tra hành chính, bị cáo đã tự giác giao nộp hai gói hê rô in cho công an và khai nhận đó là hai gói hê rô in bị cáo vừa mua nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau đó do được cơ quan công an

cho tại ngoại, vì khiếp sợ nên bị cáo bỏ trốn vào tỉnh Gia Lai làm thuê và sinh sống ở đó đến ngày 22/01/2018 thì bị công an tỉnh Gia Lai bắt theo lệnh truy nã.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nh- biên bản sự việc, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, biên bản cân xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định, kết luận giám định các gói bột thu giữ của bị cáo.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận với hành vi cất giấu trong người 0,2586 gam Hêrôin nhằm mục đích sử dụng, bị cáo Phạm Văn N đã phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ”. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước khi bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, vì vậy căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xử lý theo quy định tại khoản 1 điều 194 BLHS năm 1999.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và biết rõ nhà nước có những quy định xử lý nghiêm khắc đối với những người có hành vi liên quan đến ma túy nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi đi mua hêrôin tàng trữ để sử dụng cho bản thân, vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo trước pháp luật, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Khi lượng hình cũng cần xem xét đến việc bị cáo chưa có tiền án, tiền s, đã tự thú bằng việc tự giác khai nhận và giao nộp hai gói hê rô in cho cơ quan Công an; quá trình giải quyết vụ án bị cáo khai báo thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại các điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, đồng thời do quy định đối với tội phạm trên tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 thì mức khung hình phạt từ 2 - 7 năm, còn tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 thì mức khung hình phạt từ 1 - 5 năm, vì vậy cần áp dụng Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội để xử phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về nguồn gốc Hêrôin: Bị cáo khai mua của một người thanh niên khoảng 25 tuổi ở khu vực cầu Q, xã H, bị cáo không quen biết người đó, có gặp lại cũng không nhận dạng được vì vậy cơ quan điều tra Công an huyện K không đủ cơ sở để điều tra.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Công an huyện K đã thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 35N9 - 3086 là xe bị cáo dùng làm phương tiện đi mua hê rô in, chiếc xe đó là xe của anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1981, trú tại xóm 1, xã H (là anh trai bị cáo), nhưng hiện nay anh Đ không có mặt tại địa phương vì vậy cơ quan công an đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe trên để điều tra xử lý sau.

Số vật chứng còn lại gồm 01 phong bì niêm phong bên trong có vật chứng còn lại ký hiệu M2=0,24 gam, M4= 0,06 gam và vỏ bao gói niêm phong ban đầu thu giữ của bị cáo, đây là vật không còn giá trị sử dụng, vật nhà n-óc cấm lưu hành, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy ”.

□p dụng khoản 1 □iều 194; các điểm o, p khoản 1 □iều 46 BLHS năm 1999; Nghị Quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 22/01/2018.

□p dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 ; Căn cứ điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có vật chứng còn lại ký hiệu M2=0,24 gam, M4= 0,06 gam và vỏ bao gói niêm phong ban đầu thu giữ của bị cáo.

Căn cứ □iều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của □y ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

□n xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh